

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 27 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 92/NQ-HĐND ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 97/TTr-SKHĐT ngày 15 tháng 8 năm 2022 về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, cụ thể như sau:

Tổng kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương năm 2022 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Kiên Giang là 58.741 triệu đồng (*Phụ lục đính kèm*).

**Điều 2.** Giao nhiệm vụ

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo danh mục và số vốn tại Điều 1 của Quyết định này cho Ban Dân tộc và các đơn vị liên quan thực hiện triển khai Chương trình và kiểm tra việc tổ chức thực hiện.

2. Ban Dân tộc tỉnh điều hành Chương trình, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện; chủ trì, phối hợp với Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ban ngành tỉnh,



Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các chủ đầu tư và các đơn vị liên quan đẩy nhanh tiến độ các công trình, kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện (nếu có); Trường hợp phát hiện các thông tin, số liệu không chính xác, phải kịp thời gửi báo cáo cho Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Các Sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Chương trình và thường xuyên kiểm tra, báo cáo tiến độ, tình hình thực hiện các công trình; đảm bảo hoàn thành tốt kế hoạch được giao.

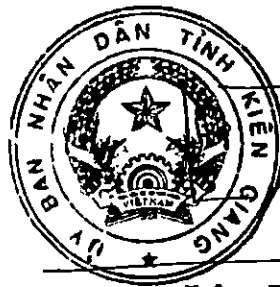
**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các chủ đầu tư cùng các cơ quan, đơn vị được giao kế hoạch vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Kiên Giang tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. *l. me*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Các Bộ: KH&ĐT, TC;
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Website Kiên Giang;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT, ddqnhut (01b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



*l. me*



**Lâm Minh Thành**

**Phụ lục**



**KẾ HOẠCH PHÂN BỐ VỐN NĂM 2022 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIẾU SỐ VÀ MIỀN NÚI**

(Kèm theo Quyết định số 2023/QĐ-UBND ngày 15/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Nội dung	Kế hoạch 2022	
	Vốn ngân sách Trung ương	
	Tổng cộng	Vốn ĐTP
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>58.741</b>	<b>58.741</b>
<b>1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt</b>	<b>18.304</b>	<b>18.304</b>
<b>2. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc</b>	<b>29.921</b>	<b>29.921</b>
a) <b>Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</b>	29.921	29.921
b) <b>Tiểu Dự án 2: Đầu tư cơ sở vật chất các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực công tác dân tộc</b>		
<b>3. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực</b>	<b>6.860</b>	<b>6.860</b>
a) <b>Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT), trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT), trường Phổ thông có học sinh bán trú (trường phổ thông có HSBT) và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số.</b>	6.860	6.860
<b>4. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch</b>	<b>3.473</b>	<b>3.473</b>
<b>5. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn</b>	<b>465</b>	<b>-</b>
<b>6. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình</b>	<b>183</b>	<b>183</b>
b) <b>Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.</b>	183	183